

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2024

“Về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T và bị đơn bà Trần Thị G đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà G về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 tại xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, ông T và bà G không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do thiếu hiểu biết về pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 01/2024 mâu thuẫn trầm trọng. Tuy ông bà vẫn sống cùng nhà nhưng ông bà không còn quan tâm đến nhau.

Theo ông T trình bày: Nguyên nhân ông bà mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, bà G hay ghen tuông vô cớ rồi chửi bới, xúc phạm ông. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể cải thiện tốt được, tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ hạnh phúc nên ông giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà G.

Theo bà G trình bày: Nguyên nhân ông bà mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm. Từ đó ông bà xảy ra cãi vã và có những lời nói thiếu tôn trọng nhau, không còn quan tâm đến nhau. Bà không đồng ý ly hôn ông T vì không muốn gia đình tan vỡ, không muốn con cái mang tiếng có bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên, bà không có cách nào để cải thiện tốt tình trạng vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà G có 02 con chung là: Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/4/1983 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 07/4/1985. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tại đơn khởi kiện ly hôn, ông T có yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn. Tòa án đã thụ lý yêu cầu của ông về việc chia tài sản khi ly hôn. Đến ngày 15/4/2024 ông T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Bà Trần Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Theo xác minh tại thôn V, xã H và Ủy ban nhân dân xã H: Ông T và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 đến nay tại thôn V, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ông bà có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Địa phương được biết vợ chồng ông bà có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được.

- *Tại phiên tòa:*

Ông Nguyễn Thành T trình bày giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà Trần Thị G vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và không còn khả năng đoàn tụ hạnh phúc. Về quan hệ con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi và khỏe mạnh bình thường. Về quan hệ tài sản: Ông giữ nguyên nội dung đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản và đề nghị được miễn án phí với lý do ông là người cao tuổi.

Bà Trần Thị G trình bày không đồng ý ly hôn ông Nguyễn Thành T vì không muốn gia đình tan vỡ, con cái mang tiếng có bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên đến nay bà không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Về quan hệ con chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường. Về quan hệ tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho ông Thi được ly hôn bà thì sau khi ly hôn bà sẽ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Thi, cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn bà Trần Thị G. Về quan hệ con chung: Cả hai con chung của ông T và bà G là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/4/1983 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 07/4/1985 hiện đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Ông Nguyễn Thành T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thành T có đơn yêu cầu xin ly hôn bà Trần Thị G có nơi cư trú tại: Thôn V, xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Ông T và bà G về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2023 ông bà mới xảy ra mâu thuẫn. Ông bà đều trình bày không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H và Phòng tư pháp thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nên có căn cứ xác định ông T và bà G không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vi phạm về đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, xác định việc chung sống như vợ chồng giữa ông T và bà G được công nhận là quan hệ hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa ông T và bà G có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 01/2024 ông bà mâu thuẫn trầm trọng, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng ông bà không còn quan tâm đến nhau và đều không có biện pháp để cải thiện được tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Ông T xác định ông bà mâu thuẫn còn do bà G ghen tuông vô cớ, không tin tưởng ông và chửi bới ông; đến nay ông bà đã hết tình cảm với nhau; không còn khả năng đoàn tụ hạnh phúc; ông giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà G. Bà G không đồng ý ly hôn ông T với lý do: Bà không muốn gia đình tan vỡ, không muốn con cái mang tiếng có bố mẹ ly hôn, nhưng bà không có cách nào để cải thiện tốt tình trạng vợ chồng. Việc ông bà không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông T được ly hôn bà G.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là: Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/4/1983 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 07/4/1985, hiện đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, khi ly hôn ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 15/4/2024 ông T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; tại phiên tòa ông T giữ nguyên nội dung đơn xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Xét việc rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông T là hoàn toàn tự nguyện, bà G không có yêu cầu phản tố, nên đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông T. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu chia tài sản thì Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thành T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên cần miễn án phí cho ông T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Thi, cho ông Nguyễn Thành T được ly hôn bà Trần Thị G.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị G có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/4/1983 và Nguyễn Văn T2, sinh ngày 07/4/1985, hiện đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn của ông Nguyễn Thành T. Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị G có quyền khởi kiện lại về yêu cầu chia tài sản theo thủ tục chung.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thành T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Hậu